TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản số: 291/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-9-2023
Về việc: "Xin ly hôn..." .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Nhật Tân và bà Nguyễn Thị Thu Hiền

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Trần Trọng Khánh – Cán bộ Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Định – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2023/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2023, về việc: "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 1388/2023/QĐST-DS, ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị Thanh T1, sinh năm 1985, có mặt.

HKTT: Thôn Q, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.

Địa chỉ: Khu vực H, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn Trần Thanh Ph1, sinh năm 1986, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Q, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại các bản khai và tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T1 trình bày: Giữa chị với anh Trần Thanh Ph1 tự tìm hiểu và kết hôn vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định vào ngày 16-12-2009. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, được 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn do có những quan điểm khác biệt trong cuộc sống cũng như cách nuôi dạy con cái, từ đó anh Ph1 hay đánh đập chị, lần gần đây nhất là vào ngày 03/4/2023, anh Ph1 sau khi đi nhậu về anh Ph1 đã đánh chị phải nhập viện điều trị tại Bệnh viện Đa khoa thị xã A. Từ lúc

chị T1 nhập viện anh Ph1 không quan tâm chăm sóc, nên từ khi xuất viện chị T1 bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị T1 xin ly hôn anh Ph1. Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên là Trần Lê Thanh T2, sinh ngày 10-11-2010, Trần Thanh B, sinh ngày 24-01-2015, các con đang ở cùng với chị T1. Nay ly hôn chị T1 xin nuôi cả hai con, chị không yêu cầu anh Ph1 cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung: Chị T1 khai không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra chị T1 không khai và không yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn Trần Thanh Ph1 vắng mặt tại phiên tòa. Mặc dù Tòa án đã tiến hành thực hiện việc tống đạt và niêm yết nhiều lần theo quy định pháp luật nhưng bị đơn anh Trần Thanh Ph1 vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị T1.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị T1 ly hôn với anh Ph1. Về quan hệ nuôi con chung: Đề nghị giao con chung của chị T1 và anh Ph1 là cháu Trần Lê Thanh T2, sinh ngày 10-11-2010, Trần Thanh B, sinh ngày 24-01-2015 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, hiện các con đang ở cùng với chị. Chị T1 không yêu cầu anh Ph1 cấp dưỡng nên đề nghị Tòa không xét. Về quan hệ tài sản chung: Chị T1 khai không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét. Về nợ chung: Chị T1 khai không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ph1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Trần Thanh Ph1 cư trú tại Thôn Q, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh Trần Thanh Ph1 vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T1 thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa chị Lê Thị Thanh T1 và anh Trần Thanh Ph1 tự tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thị xã A vào ngày 16-12-2009, nên hôn nhân của anh Ph1, chị T1 là hợp pháp.Trong quá trình chung sống hạnh phúc được 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có quan điểm khác biệt về cách nuôi dạy con, vợ chồng hay cãi nhau, dẫn đến việc anh Ph1 hay đánh đập chị T1, có lần chị T1 phải nhập viện điều trị. Từ lúc chị T1 nhập viện đến khi xuất viện, anh Ph1 cũng không quan tâm đến chị. Nay chị T1 nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên xin ly hôn anh Ph1. Trong khi Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục về việc xin ly hôn của chị T1 tại địa phương nơi anh Ph1 cư trú nhưng anh Ph1 vẫn không đến Tòa, cũng không có bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị T1. Điều này chứng tỏ anh Ph1 không mong muốn vun đắp cuộc hôn nhân này. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của chị T1 và biên bản xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T1 và anh Ph1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị T1 được ly hôn anh Ph1.

[2].2 Về quan hệ nuôi con chung: Chị T1 và anh Ph1 có 02 con chung tên là Trần Lê Thanh T2, sinh ngày 10-11-2010, Trần Thanh B, sinh ngày 24-01-2015, hiện các con đang ở cùng với chị T1. Nay ly hôn chị T1 xin nuôi cả hai con, chị T1 không yêu cầu anh Ph1 cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét theo nguyện vọng của cháu Tú và cháu Bảo mong muốn được ở với chị T1 nên giao cả hai con cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T1 không yêu cầu anh Ph1 cấp dưỡng nên Tòa không xét.

[2].3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị T1 khai không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị T1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị T1 đã nộp được khấu trừ vào án phí.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, 35, 39, 227, 228 BLTTDS; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Thanh T1 ly hôn với anh Trần Thanh Ph1.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Giao hai con chung của chị T1 và anh Ph1 tên là Trần Lê Thanh T2, sinh ngày 10-11-2010 và cháu Trần Thanh B, sinh ngày 24-01-2015 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, hiện các con đang ở cùng với chị T1. Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa không xét. Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như tiền cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Tòa không xét.

[4] Về án phí DSST: Buộc chị T1 phải chịu 300.000đ về án phí ly hôn sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị T1 đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001567, ngày 07-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào tiền án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 20-9-2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành. Nếu bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ đã tuyên thì bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
-Các bên đương sự
-VKSND huyện T
-Chi cục THADS huyện T
-Phòng GĐKT TAND tỉnh Bình Định .
-UBND phường N
Số 167, ngày 16/12/2009)
-Lưu hồ sơ .

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Thủy